

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MUỜNG LA  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 09-03-2023.  
V/v: Ly hôn giữa chị X và anh  
T.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LA, TỈNH SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1 – Ông Quàng Văn Mãng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa:** Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 09/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị VTX, sinh năm 1996.

Trú tại: Bản NT, xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh LVT, sinh năm 1993.

Trú tại: Bản NT, xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị VTX trình bày:

Chị và anh LVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 06/01/2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh LVT không chăm lo xây dựng gia đình và đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ năm

2019 hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị VTX xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVT.

Về con chung: Có hai con là LNM, sinh ngày 02/11/2015 và LVT, sinh ngày 09/12/2019. Chị xin được nuôi dưỡng cháu LVT, để chồng nuôi cháu LNM, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị VTX trình bày về khoản tiền 52.000.000, đồng mà chồng chị khai chị đang giữ là không có, nên chị không nhất trí đưa cho anh LVT.

Bị đơn anh LVT trình bày:

Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị VTX và anh LVT. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị VTX. Nay chị VTX yêu cầu ly hôn anh xin đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có hai con là LNM, sinh ngày 02/11/2015 và LVT, sinh ngày 09/12/2019, anh xin được nuôi hai con, do anh nghiện, muốn vợ quay lại cùng nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị VTX cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Nhà, đất không yêu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh cho rằng chị VTX đang cầm khoản tiền 52.000.000, đồng. Anh có ý kiến nếu chị thương anh và con thì cho anh một phần.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị VTX được ly hôn anh LVT.

Về con chung: Giao cho anh LVT trực tiếp nuôi dưỡng cháu LNM, sinh ngày 02/11/2015. Giao cho chị VTX trực tiếp nuôi dưỡng cháu LVT, sinh ngày 09/12/2019. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị VTX chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh LVT sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, anh LVT đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh.

Nguyên đơn chị VTX có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị VTX và anh LVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh LVT không chăm lo xây dựng gia đình và có dùng ma túy. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị VTX và anh LVT đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị VTX yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị VTX được ly hôn anh LVT.

[3] Về con chung: Có hai con là LNM, sinh ngày 02/11/2015 và LVT, sinh ngày 09/12/2019. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu LNM muốn ở với bố. Cần giao cháu LNM cho anh LVT trực tiếp nuôi dưỡng. Chị VTX có nguyện vọng nuôi cháu LVT do cháu còn nhỏ cần giao cho chị VTX trực tiếp nuôi dưỡng. Hai người không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về khoản tiền mà anh LVT cho rằng chị VTX đang giữ là 52.000.000, đồng anh muốn chị chia cho anh một phần. Chị VTX xác định không có khoản tiền như anh LVT khai, do đó không đồng ý với ý kiến anh LVT. Xét ngoài lời khai của anh LVT không có chứng cứ nào xác định được hai vợ chồng có số tiền 52.000.000, đồng và do chị VTX không công nhận và xác định không có khoản tiền này. Nên không có căn cứ để xem xét chia khoản tiền theo yêu cầu của anh LVT.

Chị VTX chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị VTX được ly hôn anh LVT.

2. Giao cho anh LVT trực tiếp nuôi dưỡng cháu LNM, sinh ngày 02/11/2015. Giao cho chị VTX trực tiếp nuôi dưỡng cháu LVT, sinh ngày 09/12/2019. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị VTX phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003790 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị VTX, anh LVT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã PT, huyện Mường La (đề vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**NGUYỄN MINH TUÂN**